

Số: 69 /2026/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới
tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026-2030;

Căn cứ văn bản của các bộ, ngành, cơ quan trung ương liên quan về quy định, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1099/TTr-SNNMT ngày 13/7/2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026-2030, gồm:

a) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2026-2030 (Phụ lục I).

b) Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2026-2030 (Phụ lục II).

2. Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã; các thôn, bản; các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung tiêu chí xã nông thôn mới được phân công phụ trách; chủ động chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các xã tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới và thẩm tra kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh có liên quan, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các xã tổ chức triển khai, thực hiện; định kỳ, tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh liên quan và Ủy ban nhân dân các xã đề nghị cứu, giải quyết các vấn đề trong phạm vi thẩm quyền; rà soát, tổng hợp, tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung tiêu chí (nếu có), báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

3. Ủy ban nhân dân các xã

a) Căn cứ hướng dẫn của các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các quy định hiện hành có liên quan, triển khai tổ chức thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn đảm bảo chất lượng bền vững.

b) Định kỳ 6 tháng và hằng năm cập nhật, công khai báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên Cổng thông tin điện tử của xã.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Đảng ủy các xã;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường

Phụ lục I
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH THANH HOÁ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Có quy hoạch chung xã, hoặc quy hoạch đô thị được duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới được cụ thể hóa theo quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch phân khu (nếu có), hoặc quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tuân thủ pháp luật quy hoạch đô thị và nông thôn	Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới được cụ thể hóa theo quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch phân khu (nếu có), hoặc quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tuân thủ pháp luật quy hoạch đô thị và nông thôn	Không quy định
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Có Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn, hoặc nội dung quy hoạch chung xã có tích hợp Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn	Có Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn, hoặc nội dung quy hoạch chung xã có tích hợp Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn	Không quy định

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đường xã đạt tiêu chuẩn đường đô thị, phù hợp với tốc độ đô thị hoá. Đường thôn, ngõ, xóm được bê tông hoá, nhựa hoá đạt tỷ lệ 100%.	Đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch có các hạng mục cần thiết theo quy định (hệ thống báo hiệu đường bộ: cọc tiêu, biển báo, sơn kẻ đường, v.v...); rãnh thoát nước mặt đường, điện chiếu sáng, vỉa hè các đoạn qua khu dân cư. Đường thôn, ngõ, xóm được bê tông hoá, nhựa hoá đạt tỷ lệ $\geq 90\%$.	Đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch có các hạng mục cần thiết theo quy định (hệ thống báo hiệu đường bộ: cọc tiêu, biển báo, sơn kẻ đường, v.v...); rãnh thoát nước mặt đường các đoạn qua khu dân cư. Đường thôn, ngõ, xóm được bê tông hoá, nhựa hoá đạt tỷ lệ $\geq 50\%$.
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 90\%$; có diện tích áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 80\%$; diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt tỷ lệ $\geq 30\%$	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương đạt tỷ lệ $\geq 50\%$ (trừ những địa bàn không có công trình thủy lợi)
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Tốt	Khá	Đạt
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 99\%$	$\geq 99\%$	$\geq 98\%$
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên theo quy định	Có chợ hoặc có siêu thị mini trở lên đạt theo quy định	Có chợ hoặc có cơ sở bán lẻ khác đạt theo quy định

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Đạt	Đạt
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân đạt từ 9,5%/năm trở lên	Bình quân đạt từ 9,5%/năm trở lên	Bình quân đạt từ 9,5%/năm trở lên
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	≥01 vùng	≥01 vùng	≥01 vùng
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc ≥01 mô hình kinh tế xanh hoặc ≥01 mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc ≥01 mô hình kinh tế xanh hoặc ≥01 mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	Đạt	Đạt
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	Đạt	Đạt
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	≥01	≥01	≥01

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Không quy định	≥ 70 điểm	≥ 60 điểm
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt	Đạt
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥ 01	≥ 01	≥ 01
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 40\%$	$\geq 35\%$	$\geq 27\%$
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Đạt	Đạt
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤2%	≤5%	≤13%
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥95%	≥85%	≥75%
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥80% (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	≥70% (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	≥40% (bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có)).
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”	Đạt	Đạt	Đạt
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Đạt	Đạt
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Đạt	Đạt
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	Đạt	Đạt
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Không quy định
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥01 mô hình	≥01 mô hình	Không quy định
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥90%	≥90%	≥90%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt $\geq 70\%$; có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp	Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt $\geq 60\%$	Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt $\geq 50\%$
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	Đạt	Đạt
10	Tiếp cận	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
	pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	Đạt
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt

Phụ lục II
BỘ TIÊU CHÍ THÔN, BẢN NÔNG THÔN MỚI TỈNH THANH HOÁ, GIAI ĐOẠN 2026-2030

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với thôn, bản thuộc từng nhóm xã		
			Thôn, bản thuộc xã nhóm 1	Thôn, bản thuộc xã nhóm 2	Thôn, bản thuộc xã nhóm 3
1	Hạ tầng kinh tế - xã hội	1.1. Hệ thống đường giao thông thôn, ngõ, xóm đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Bảo đảm kết nối giao thông theo quy định; đường thôn, ngõ, xóm được bê tông hóa, nhựa hóa đạt tỷ lệ 100%	Bảo đảm kết nối giao thông theo quy định; đường thôn, ngõ, xóm được bê tông hóa, nhựa hóa đạt tỷ lệ $\geq 90\%$	Bảo đảm kết nối giao thông theo quy định; đường thôn, ngõ, xóm được bê tông hóa, nhựa hóa đạt tỷ lệ $\geq 50\%$
		1.2. Hệ thống thủy lợi liên quan đến thôn, bản cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Tốt	Khá	Đạt
		1.3. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 99\%$	$\geq 99\%$	$\geq 98\%$
		1.4. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư, vùng sản xuất	Đạt	Đạt	Đạt
2	Phát triển kinh tế nông thôn	2.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân đạt từ $\geq 9,5\%$ /năm trở lên	Bình quân đạt từ $\geq 9,5\%$ /năm trở lên	Bình quân đạt từ $\geq 9,5\%$ /năm trở lên
		2.2. Triển khai kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP của xã gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	Đạt	Không quy định
		2.3. Tham gia hoạt động tổ khuyến nông cộng đồng trên địa bàn	Không quy định	Đạt	Đạt
		2.4. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với thôn, bản thuộc từng nhóm xã		
			Thôn, bản thuộc xã nhóm 1	Thôn, bản thuộc xã nhóm 2	Thôn, bản thuộc xã nhóm 3
		2.5. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt	Đạt
3	Khuôn viên hộ gia đình	3.1. Vườn hộ - vườn nằm trong khuôn viên hộ gia đình: đối với vườn có diện tích từ 200m ² trở lên (nếu có): - Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch được UBND xã xác nhận. - Có cảnh quan xanh - sạch - đẹp; có sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. - Thu nhập từ vườn hàng năm: tối thiểu đạt 30 triệu đồng/500m ²	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Tỷ lệ hộ chăn nuôi (nếu có): Đúng quy cách kỹ thuật, có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥ 90%	≥ 80%	≥ 75%
		3.3. Tỷ lệ hộ gia đình có hàng rào trồng bằng cây xanh, cây hoa hoặc tường rào cứng được phủ bằng cây xanh, cây hoa	≥ 85%	≥ 80%	≥ 75%
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥40%	≥35%	≥27%
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	≥60%	≥50%	≥40%
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Văn hóa	Đạt	Đạt	Đạt
		5.1.1. Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản đạt chuẩn theo quy định; có ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật và 01 câu lạc bộ thể dục, thể thao hoạt động thường xuyên	Đạt	Đạt	Đạt
		5.1.2. Thôn, bản có điểm sinh hoạt cộng đồng được lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với thôn, bản thuộc từng nhóm xã		
			Thôn, bản thuộc xã nhóm 1	Thôn, bản thuộc xã nhóm 2	Thôn, bản thuộc xã nhóm 3
		5.1.3. Thôn, bản đạt danh hiệu văn hóa theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		5.1.4. Hàng rào khuôn viên Nhà văn hóa- Khu thể thao thôn được trồng bằng cây xanh hoặc tường rào cứng được phủ bằng cây xanh	≥85%	≥80%	≥75%
		5.1.5. Trong khuôn viên Nhà văn hóa- Khu thể thao thôn, bản trồng cây xanh hoặc trồng hoa hài hòa, hợp lý	Đạt	Đạt	Đạt
		5.2. Giáo dục	Đạt	Đạt	Đạt
		5.2.1. Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt
		5.2.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương	≥90%	≥85%	≥80%
		5.2.3. Tỷ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác	≥90%	≥85%	≥80%
		5.2.4. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt
		5.2.5. Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt
		5.2.6. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Y tế	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥96%	≥96%	≥95%
		5.3.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤20%	≤20%	≤22%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với thôn, bản thuộc từng nhóm xã		
			Thôn, bản thuộc xã nhóm 1	Thôn, bản thuộc xã nhóm 2	Thôn, bản thuộc xã nhóm 3
		5.3.3. Thôn, bản triển khai thực hiện sổ sức khỏe điện tử	Đạt	Đạt	Đạt
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤2%	≤5%	≤13%
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥95%	≥85%	≥75%
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥80% (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	≥70% (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	≥40% (bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có)).
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”	Đạt	Đạt	Đạt
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Đạt	Đạt
		6.6. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Chủ thể kinh doanh, người dân trên địa bàn tham gia hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Không quy định
		7.2. Triển khai xây dựng mô hình thôn thông minh	Đạt	Đạt	Không quy định
8	Môi trường và	8.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với thôn, bản thuộc từng nhóm xã		
			Thôn, bản thuộc xã nhóm 1	Thôn, bản thuộc xã nhóm 2	Thôn, bản thuộc xã nhóm 3
	cảnh quan nông thôn	8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥90%	≥90%	≥90%
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%
		8.4. Thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt
9	Xây dựng hệ thống chính trị	9.1. Chi bộ, Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội trong thôn được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành	≥90%	≥90%	≥90%
		10.2. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng hỗ trợ pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	≥90%	≥90%
		10.3. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với thôn, bản thuộc từng nhóm xã		
			Thôn, bản thuộc xã nhóm 1	Thôn, bản thuộc xã nhóm 2	Thôn, bản thuộc xã nhóm 3
		10.4. Có hệ thống camera giám sát an ninh trên địa bàn toàn thôn, bản	Đạt	Đạt	Đạt
		10.5. Thực hiện tốt nhiệm vụ đăng ký, quản lý, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phương tiện kỹ thuật, hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm; phối hợp, tham mưu xây dựng khu vực phòng thủ; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quốc phòng và an ninh cho toàn dân trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt